



ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO PHẬT ĐỐI VỚI CHÍNH TRỊ TRIỀU LÝ

Trần Xuân Trí*

Đặt vấn đề

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng. Do đó nó có tác động tới nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, đạo đức, lối sống, tư tưởng tình cảm của cộng đồng quốc gia dân tộc. Đạo Phật không nằm ngoài quy luật đó. Xuất thế tới Việt Nam, Phật giáo đã trở thành một đạo nhập thế và có ảnh hưởng sâu sắc tới mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có chính trị. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng đó tùy thuộc vào từng giai đoạn lịch sử nhất định, phụ thuộc vào các chính sách của giai cấp cầm quyền.

Lịch sử dân tộc trong giai đoạn Lý - Trần là thời kỳ phát triển rực rỡ, thời kỳ “hoàng kim” của đạo Phật, đặc biệt là vương triều Lý. Đây cũng là giai đoạn Đại Việt có bước phát triển vượt bậc so với giai đoạn trước đó về kinh tế, quân sự, chính trị và văn hoá, xã hội. Đạo Phật có mối quan hệ gì đối với sự phát triển đó của vương triều Lý? Đây là một vấn đề khoa học đầy lý thú song cũng rất phức tạp đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu một cách nghiêm túc. Trong phạm vi báo cáo này chúng tôi mạnh dạn tìm hiểu những ảnh hưởng của đạo Phật đối với đường lối nội trị, ngoại giao, tổ chức chính quyền và luật pháp của triều Lý. Kiến giải được những vấn đề nêu trên phần nào lý giải được mối quan hệ giữa tôn giáo nói chung, đạo Phật nói riêng với chính trị, đồng thời qua đó đánh giá một cách đúng đắn vai trò của đạo Phật đối với sự hưng thịnh của triều Lý và sự phát triển của lịch sử dân tộc.

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. Quá trình truyền bá, phát triển đạo Phật ở Việt Nam

Đạo Phật ra đời vào khoảng thế kỷ VI tr. CN tại Ấn Độ. Ngay từ khi ra đời, đạo Phật đã trở thành nhu cầu tinh thần của nhân dân để chống lại chế độ phân biệt đẳng cấp khắc nghiệt trong xã hội Ấn Độ. Chính vì thế trong giáo lý của đạo Phật chứa đựng những quan điểm nhân sinh quan rất tiên bộ, đặc biệt là tư tưởng hướng thiện, “từ bi hỉ xả” cứu vớt con người ra khỏi mọi khổ đau. “Trước kia và ngày nay ta chỉ nêu ra và lý giải về nỗi khổ đau... cũng như nước đại dương chỉ có một vị mặn. Học thuyết của ta chỉ có một mục đích là cứu vớt”¹. Những quan điểm giáo lý của đạo Phật được đông đảo quần chúng ủng hộ và tin theo. Đến thế kỷ III tr. CN, đạo Phật trở thành quốc giáo của Ấn Độ. Sau đó Phật giáo nhanh chóng được truyền bá sang các nước châu Á, trong đó có Việt Nam, thông qua các tăng đoàn và các thương thuyền người Ấn.

Đạo Phật được truyền bá vào nước ta từ rất sớm theo hai con đường; từ Trung Quốc xuống và từ Ấn Độ sang: “Vốn dĩ từ rất sớm Phật giáo đã cắm rễ vào mảnh đất này. Vào mấy chục năm đầu của thế kỷ thứ nhất, đã có dấu vết của nó rồi. Nó đến đây bằng nhiều con đường; con đường bộ từ Bắc xuống, con đường thủy từ Tây sang”². Hoàng Xuân Hãn trong *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và Tông pháp triều Lý* có dẫn ra câu chuyện của Hoàng hậu Linh Nhân (Ỗ Lan) với nhà sư Trí Không: Thái hậu hỏi: “Phật ở phương nào? Tổ ở thành nào? Đạo tới xứ ta từ đời nào? Truyền thụ Đạo ấy ai trước, ai sau?”. Nhà sư Trí Không trả lời: “Phật và Tổ là một, Phật truyền Đạo cho Ca Diếp, về đời Hán có Ma Đằng đem đạo vào Trung Quốc. Đạt Ma truyền vào Lương, Ngụy. Đạo rất thịnh khi dòng Thiên Thai được thành lập, dòng ấy gọi là Giao Tông. Sau lại có thêm dòng Tào Khê tức là dòng Thiên Tông, hai dòng ấy vào nước ta đã lâu năm”. Những chứng cứ nêu trên cùng với việc giai đoạn này Âu Lạc đã bị Triệu Đà xâm lược và thống trị, tiếp đó là nhà Hán thì việc đạo Phật theo gót kẻ xâm lược vào nước ta hồi đầu CN là có thể tin cậy.

Cùng với nhiều hiện vật là những đồng tiền bằng bạc của người Tây Vực mà các nhà khảo cổ học đã phát hiện tại Việt Nam và câu chuyện chùa Pháp Vân ở Luy Lâu (Thuận Thành - Bắc Ninh) có nhắc tới hai vị sư người Ấn Độ là Kỳ Vực và Khâu Đà La là những chứng cứ cho chúng ta phỏng đoán đạo Phật còn được truyền bá vào nước ta từ Ấn Độ.

Với tinh thần dung hợp và khai phóng, cùng với những quan điểm, tư tưởng gần gũi với truyền thống của người Việt nên đạo Phật nhanh chóng phát triển và có ảnh hưởng lớn tới đời sống xã hội ở nước ta, số lượng người theo đạo Phật ngày càng đông: “Đất Giao Châu ngày nay dân chúng rất tôn sùng Phật giáo, lại có nhiều vị cao tăng giáo hoá, bốn phương thấy vậy đều quy y”³.

Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV, đạo Phật phát triển mạnh mẽ và trở thành quốc giáo. Trong dân gian đến quá nửa là sư sãi, các vua Lý đều là những người sùng

đạo Phật. Chính vì thế đạo Phật ngày càng ăn sâu, bén rễ vào mọi mặt của đời sống xã hội, phạm vi ảnh hưởng của nó ngày càng sâu rộng, trong đó có chính trị.

Trong những thế kỷ XV - XVIII, ở nước ta có sự chuyển giao trên lĩnh vực tư tưởng, tôn giáo: Nho giáo vươn lên thành hệ tư tưởng độc tôn của giai cấp thống trị, Phật giáo chỉ giữ một vị trí rất khiêm tốn trong đời sống xã hội.

Từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX là thời kỳ đạo Phật hưng thịnh trở lại; nhiều chùa, tháp được tu bổ và xây dựng mới.

Trong những năm 1954 - 1975, các tăng ni, Phật tử tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước.

Từ năm 1975 tới nay, đất nước được thống nhất, đạo Phật ngày càng có vai trò quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các nhà sư, tăng ni, Phật tử luôn sống “tốt đời đẹp đạo”, góp phần to lớn vào giải quyết các vấn đề xã hội.

2. Ảnh hưởng của đạo Phật đối với chính trị triều Lý

2.1. Khái quát về vương triều Lý

Cuối triều Tiền Lê, Lê Long Đĩnh hoang dâm, hung tàn và bạo ngược làm cho lòng người vô cùng oán hận. Năm 1009, Lê Long Đĩnh chết, thế lực nhà chùa đã đưa Lý Công Uẩn lên làm vua, lập ra vương triều Lý.

Vương triều Lý tồn tại từ năm 1009 đến năm 1225. Trải qua hơn hai trăm năm tồn tại với chín vị vua trị vì, triều Lý đã tăng cường củng cố chế độ trung ương tập quyền, phát triển kinh tế, văn hoá, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La. Đây là việc làm đầu tiên có ý nghĩa quan trọng nhằm củng cố vị thế của một quốc gia độc lập. Hệ thống chính quyền được củng cố từ trung ương đến địa phương. Năm 1042, triều Lý ban hành Bộ luật Hình thư. Đây là bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta. Năm 1075, triều Lý mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn nhân tài. Quân đội nhà Lý được phiên chế quy củ, kỷ luật nghiêm minh, đặc biệt nhà Lý thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”, kết hợp giữa kinh tế và quân sự theo tinh thần “tĩnh vi nông, động vi binh”.

Để thúc đẩy nền kinh tế phát triển, triều Lý đã có chính sách bảo vệ sức kéo, xây dựng nhiều công trình thuỷ lợi, mở mang buôn bán... làm cho nông nghiệp, thương nghiệp và thủ công nghiệp tương đối phát triển.

Triều Lý hết sức quan tâm tới phát triển văn hoá; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và ổn định xã hội. Dưới triều Lý, cả đạo Phật, Nho giáo và Đạo giáo đều cùng tồn tại và phát triển không hề có xung đột tôn giáo, “tam giáo đồng nguyên”. Tuy nhiên, đạo Phật được các vua Lý tôn sùng và có những chính sách

ưu ái, tạo điều kiện để phát triển mạnh mẽ. Do đó Phật giáo trở thành tư tưởng chính thống quốc gia chi phối mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có chính trị.

2.2. Ảnh hưởng của đạo Phật đối với chính trị vương triều Lý

a) Tổ chức chính quyền

Đến thế kỷ XI, cùng với quá trình đánh bại các thế lực ngoại xâm giữ vững nền độc lập dân tộc; mở rộng lãnh thổ; dân số gia tăng; kinh tế, văn hoá phát triển thì một bộ máy chính quyền cũng được xây dựng từ trung ương tới địa phương. Bên cạnh những ảnh hưởng do quá trình tiếp xúc với văn hoá Trung Hoa, ý thức tự tôn dân tộc thì đạo Phật đã để lại một dấu ấn khá đậm nét trong việc tổ chức bộ máy chính quyền của triều Lý.

Đứng đầu nhà nước là vua. Vua là thủ lĩnh tối cao, lãnh đạo và điều hành mọi công việc của đất nước. Đôi khi vua được thần thánh hoá, là người chủ tế trong các nghi lễ tôn giáo. Dưới triều Lý, các ông vua đều tôn sùng đạo Phật, do đó đã có ông vua tự xưng mình là Phật như trường hợp của Lý Cao Tông (1176 - 1210). Giúp việc cho vua là một hệ thống quan lại gồm Tam thái, Tam thiếu, Tể tướng, Á tể tướng... Đặc biệt, trong bộ máy chính quyền trung ương của triều Lý có một ngạch quan dành riêng cho những người tu hành gọi là hệ thống Tăng quan. Đứng đầu hệ thống Tăng quan là Tăng Thống. Tăng Thống là một chức sắc của đạo Phật, là người đứng đầu tăng ni cả nước. Dưới là Tăng Lục, ngoài ra còn có Tăng Ty giác nghĩa, Tăng đạo chánh, phó Tăng đạo chánh đều trật tòng cửu phẩm. Các Tăng quan và nhà sư có tài được nhà vua rất trọng dụng và có vai trò lớn trong việc ban bố các chính sách của nhà nước. Nhiều khi họ được trực tiếp tham gia bàn chính trị với nhà vua và bá quan văn võ trong triều. Các vị sư Đa Bảo, Viên Thông, Nguyên Thường... nhiều lần được Lý Thái Tổ (1010 - 1028) mời vào cung để luận bàn việc nước. Một số nhà sư có công lao đối với đất nước được nhà vua phong làm Quốc sư như Quốc sư Viên Thông (1080 - 1151), Quốc sư Thông Biện (? - 1134). Các Tăng quan được ví như những cố vấn chính trị đặc biệt của nhà vua.

Sự có mặt của các nhà sư trong bộ máy chính quyền triều Lý ở trung ương, việc trực tiếp tham gia vào guồng máy chính quyền nhà nước thể hiện rõ nét ảnh hưởng của đạo Phật đối với tổ chức chính quyền của triều Lý.

b) Tinh thần nhân ái, khoan dung trong luật pháp

Trước triều Lý, Việt Nam chưa có luật pháp thành văn. Triều Đinh, Tiền Lê thường nuôi hổ, đặt vạc dầu để ngăn đe, xử phạt những ai vi phạm các quy định của nhà nước.

Triều Lý được thành lập, kinh tế, văn hoá, xã hội có sự chuyển biến mạnh mẽ hơn trước, nhiều vấn đề xã hội nảy sinh. Để quản lý đất nước, điều chỉnh

hành vi của dân chúng, củng cố hơn nữa chế độ quân chủ trung ương, năm 1042, vua Lý Thái Tông cho ban hành Bộ luật Hình thư - bộ luật thành văn đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Nếu như ở triều Đinh, Tiền Lê luật pháp có phần dã man “người nào trái phép sẽ bị chịu tội bỏ vạc dầu nấu hay cho hổ ăn”⁴ thì luật pháp triều Lý lại chứa đựng tinh thần nhân ái, khoan dung mang dấu ấn của tư tưởng “từ bi hỉ xả” của đạo Phật. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Trước kia, trong nước việc kiện tụng phiền nhiễu, quan giữ việc hình câu nệ luật văn, cốt làm khắc nghiệt, thậm chí bị oan uổng. Vua lấy làm thương xót sai trung thư sửa định luật lệnh châm chước cho thích dụng với thời bấy giờ, chia ra môn loại, biên ra nhiều khoản làm sách hình luật của một triều đại”⁵. Chính “lòng thương xót” của vua Lý đối với dân chúng đã chi phối nội dung luật pháp của nhà nước, lòng thương xót ấy là sự dung hợp giữa truyền thống của dân tộc Việt Nam với tư tưởng nhân ái, cứu khổ của đạo Phật.

Đối với những người vi phạm các quy định của nhà nước, vua Lý thường lấy lòng khoan dung mà tha thứ. Năm 1028, Lý Thái Tông lên ngôi đã tha tội làm phản cho Đông Chinh Vương, Dục Thánh Vương và Vũ Đức Vương. Năm 1043, Nùng Trí Cao ở Châu Quảng Nguyên làm phản, sau khi bắt được Trí Cao, vua không những tha tội mà còn ban cho đồ ăn, phong làm Thái bảo và ban cho mấy châu. Đối với tội giết người, pháp luật triều Lý quy định: Tranh nhau ruộng đất mà lấy đồ khí nhọn sắc đánh chết hoặc làm bị thương người khác thì bị đánh 80 trượng và chịu đầy. Giết người, làm phản là những trọng tội, các triều đại sau này liệt nó vào những tội “thập ác”, thế nhưng với tinh thần thương dân, lòng nhân ái, khoan dung, các vua Lý đã xử phạt rất nhẹ. Sử thần triều Lê Ngô Sĩ Liên đánh giá: “Giết người thì phải xử tội chết, đó là phép của đời xưa, nay tội giết người cũng xử như tội khác thật là không phân biệt mức độ, mất sự cân nhắc nặng nhẹ”⁶. Từ đó Ngô Sĩ Liên chỉ ra nguyên nhân: “Đó là vì Thái Tông say đắm cái lòng nhân nhỏ nhặt của nhà Phật mà quên mất cái nghĩa lớn của người làm vua”⁷.

Luật pháp triều Lý đặc biệt chú ý tới người già, trẻ nhỏ, coi trọng công tác giáo dục, ngăn ngừa. Pháp luật triều Lý quy định những người trong độ tuổi từ 70 đến 80, trẻ nhỏ từ 15 đến 10 tuổi nếu phạm tội thì cho phép dùng tiền để chuộc tội. Trong xét xử, các vua Lý thường khoan dung, lấy giáo dục làm chính. Có lần khi đang xét xử, vua Lý Thánh Tông chỉ vào công chúa Động Thiên mà nói: “Ta yêu con ta cũng như lòng ta làm cha mẹ dân. Dân không hiểu biết mà mắc vào hình pháp, trẫm rất thương xót. Từ nay về sau không kể tội gì nặng hay nhẹ đều nhất luật khoan giảm”⁸.

Thương dân không chỉ bằng việc khoan dung đối với những người phạm tội, luật pháp triều Lý còn có những quy định rất cụ thể để bảo vệ sức kéo trong nông nghiệp, bảo vệ người lao động như việc cấm giết mổ, ăn trộm trâu, bò; cấm không được buôn bán hoàng nam làm gia nô hay thiên, hoạn nam giới...

Luật pháp là công cụ của giai cấp thống trị để bảo vệ trước hết là quyền lợi của họ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đạo Phật, luật pháp triều Lý chứa đựng những nhân tố rất tiến bộ, trong đó nổi bật là tinh thần nhân ái, khoan dung đối với nhân dân; bảo vệ, chăm lo cuộc sống của dân.

c) “Yêu dân như con” là đạo trị nước của triều Lý

Tư tưởng nhân ái, từ bi của đạo Phật hoà quyện với truyền thống “thương người như thể thương thân” của dân tộc Việt Nam đã tạo nên cái tâm trị nước của triều Lý.

Các vua Lý có quan hệ gần gũi với nhân dân, coi trăm họ trong bốn biển như con đỏ, chăm lo cho cuộc sống của dân, xót xa khi thấy dân khổ, vỡ vỡ khi lòng dân không yên. Các vua Lý đều có lệ thân chinh đi làm lễ cày ruộng tịch điền, xem dân chúng sản xuất, kinh lý nắm bắt tình hình cuộc sống của dân. Trong những năm lũ lụt, hạn hán, mất mùa, nhà nước đều thực hiện cấp thóc gạo, tiền, lụa, giảm, xoá thuế cho dân chúng. Năm 1010, sau khi lên ngôi, Lý Thái Tổ đại xá thuế khoá cho thiên hạ trong ba năm; những người già yếu, mồ côi, góa chồng thì được xoá thuế nợ...

Đường như lòng nhân ái của các vua quan triều Lý đã vượt ra khỏi ranh giới giai cấp, địa vị xã hội; vượt qua không gian, xuyên suốt thời gian tồn tại của vương triều. Thật cảm động khi Lý Thánh Tông thương xót và đồng cảm với nỗi khổ của những tù nhân trong mùa đông lạnh giá: “Mùa đông năm Ất Mùi 1055, trời giá rét Lý Thánh Tông nói với các quan rằng ta ở trong cung kín, sưởi lò than, khoác áo lông mà còn rét như thế này. Ta nghĩ đến tù nhân bị nhốt trong lao tù, chịu trói buộc khổ sở, mà chưa biết phải trái ra sao. Ăn không đầy bụng, mặc chẳng che thân. Vì gió rét, nên có kẻ chết không nơi nương tựa. Ta thật thấy làm thương”⁹. Ngay sau đó vua sai người mang chăn, chiếu cùng với hai bữa cơm mỗi ngày cho phạm nhân. Vua Lý Nhân Tông thường hay mở hội Phật và tha cho những người có tội, còn Lý Thần Tông thì không có việc gì cũng tha bổng cho những người mắc tội... Lòng nhân ái, thương người của các vua Lý không chỉ đối với nhân dân Đại Việt mà còn cả với những tù binh Chiêm Thành. Năm 1010, Lý Thái Tổ đã tha cho 28 người Chiêm Thành bị Lê Ngoạ Triều bắt trước đó. Không những thế, vua Lý còn sai người cấp thuốc men, quần áo, lương thực để họ trở về quê hương.

Tư tưởng “yêu dân như con” trong đạo trị nước của triều Lý không phải là sự giả dối của giai cấp cầm quyền mà là “phần biểu diễn của lòng từ bi do Phật giáo gây nên”¹⁰. Tuy nhiên, cần phải nói rằng đây là một trong những chính sách của nhà nước phong kiến, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của giai cấp thống trị nhằm củng cố địa vị thống trị của mình trong xã hội.

d) Mềm dẻo, linh hoạt và nhân văn trong chính sách đối ngoại

Đối với Chiêm Thành, triều Lý luôn giữ mối quan hệ hoà hiếu. Tuy nhiên, do nhiều lần Chiêm Thành đem quân quấy rối biên giới phía Nam, cướp của, bức hãm nhân dân cho nên nhiều lần vua Lý đã thân chinh cầm quân đi đánh dẹp. Năm 1044, Lý Thái Tông cầm quân đánh Chiêm Thành bắt được hơn 5.000 tù binh. Vua không những không cho giết mà còn cho họ nhận hộ thuộc làm ăn sinh sống ở Vĩnh Khang (Nghệ An ngày nay). Năm 1069, Lý Thánh Tông bắt được vua Chiêm Thành là Chế Củ cùng 5 vạn dân Chiêm Thành nhưng vua cũng không giết một ai.

Đối với nhà Tống, triều Lý có quan hệ hoà hiếu, ân cần nhận sắc phong, đồng thời thực hiện lễ sính và triều cống đều đặn. Sau khi đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Tống, triều Lý giao trả cho nhà Tống những dân phu, quân lính bị bắt tại Khâm Châu, Ung Châu năm 1075.

Chính sách ngoại giao khôn khéo của triều Lý đối với Chiêm Thành và nhà Tống trước hết là nhằm bảo vệ, củng cố chính quyền của giai cấp phong kiến, tương chừng như không có gì liên quan đến tôn giáo, song việc triều Lý đối xử nhân ái với những tù binh bị bắt trong chiến tranh xuất phát từ cái tâm của người cầm quyền. Cái tâm ấy được tắm mình trong truyền thống nhân ái của người Việt hoà quyện với tư tưởng từ bi, cứu khổ, cứu nạn của đạo Phật.

3. Một vài đánh giá, nhận xét

Đạo Phật, một tôn giáo ngoại sinh đã nhanh chóng ăn sâu, bám rễ vào đời sống tinh thần của người dân và có ảnh hưởng sâu sắc tới mọi mặt của đời sống xã hội Việt Nam, đặc biệt là triều Lý (1009 - 1225). Tư tưởng từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn của đạo Phật cùng truyền thống thương yêu đồng loại của dân tộc Việt Nam hun đúc nên chủ nghĩa nhân đạo, tính nhân văn trong ứng xử của con người Việt Nam. Tư tưởng ấy thấm thấu vào đạo đức, tư tưởng của người cầm quyền, ảnh hưởng tới chính sách nội trị ngoại giao của nhà nước.

Lòng nhân ái, sự khoan dung, yêu dân như con đỏ của vua quan triều Lý là một trong những nhân tố quan trọng làm cho nhân dân no ấm; kinh tế, văn hoá được mở mang; đất nước thái bình thịnh trị; Nam bình Chiêm, Bắc phá Tống uy vũ biểu dương hiển hách.

Tôn giáo nói chung, đạo Phật nói riêng ra đời không nhằm phục vụ mục đích chính trị, nhưng trong tay người làm chính trị, đạo Phật đã phát huy vai trò tích cực. Đó là do triều Lý đã biết phát huy yếu tố tích cực, tiến bộ của đạo Phật để phục vụ cho công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, chăm lo tới cuộc sống của nhân dân.

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, đạo Phật còn có những ảnh hưởng mang tính chất không tiến bộ. Nhiều khi các vua Lý bị chi phối bởi quan điểm duy tâm; việc xây dựng nhiều chùa, tháp đã ảnh hưởng tới quốc khố của nhà nước;

nhiều sư sãi làm trái với điều răn của Phật, quy định của nhà nước, đôi khi còn lộ hành trên vũ đài chính trị làm rối loạn triều đình.

CHÚ THÍCH

- ¹ Lương Thị Thoa, *Lịch sử ba tôn giáo thế giới*, NXB Giáo dục, 2002, tr.60.
- ² Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông pháp triều Lý*, NXB Quân đội Nhân dân, 2003, tr.589.
- ³ Văn Tân, *Phật giáo trong lịch sử Việt Nam*, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 162, năm 1975, tr.133.
- ⁴ Trần Bá Đệ (Chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.148.
- ⁵ Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Khoa học Xã hội, 1984, tr.206.
- ⁶ Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr.333.
- ⁷ Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr.273.
- ⁸ Ngô Sỹ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr.273.
- ⁹ Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông pháp triều Lý*, sđd, tr.364.
- ¹⁰ Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông pháp triều Lý*, sđd, tr.365.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984.
- [2] Trần Bá Đệ (Chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
- [3] Phan Đại Doãn (Chủ biên), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- [4] Nguyễn Duy Hình, *Hệ tư tưởng Lý*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 1, 1986.
- [5] Nguyễn Duy Hình, *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999.
- [6] Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt - Lịch sử ngoại giao và tông pháp triều Lý*, NXB Quân đội Nhân dân, 2003.
- [7] Phan Huy Lê, *Vua Lý Thái Tổ và vương triều Lý trong lịch sử dân tộc*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 6, 2000.
- [8] *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Dân tộc, 1971.
- [9] Nguyễn Danh Phiệt, *Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X - XV*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002.
- [10] Lê Văn Siêu, *Việt Nam văn minh sử lược*, NXB Lao động, 2003.
- [11] Nguyễn Thị Toan, *Phật giáo và chính trị*, tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, 2002.
- [12] Lương Thị Thoa, *Lịch sử ba tôn giáo thế giới*, NXB Giáo dục, 2002.
- [13] Văn Tạo, *Pháp luật Việt Nam trong lịch sử và di sản của nó*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 3, 1991.
- [14] Văn Tân, *Phật giáo trong lịch sử Việt Nam*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 162, 1975.
- [15] Nguyễn Tài Thư, *Phật giáo và thế giới quan người Việt trong lịch sử*, tạp chí *Nghiên cứu triết học*, số 2, 1986.
- [16] Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2004.
- [17] *Tìm hiểu xã hội thời Lý - Trần*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1980.
- [18] Đào Tố Uyên – Nguyễn Cảnh Minh, *Tìm hiểu tổ chức chính quyền trung ương ở nước ta thời phong kiến*, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 6, 1995.
- [19] Đặng Nghiêm Vạn, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998.